

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2022
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị D Thúy.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Võ Lâm Sơn;
 2. Ông Lê Văn Phụng.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 325/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 239/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Văng Tấn Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày, do tự tìm hiểu, bà N và ông Đ kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiến T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang vào ngày 03/02/2017. Trong thời gian chung sống, vợ

chồng có sinh 02 con chung tên Văng Thị Thúy D, sinh ngày 01/7/2017 và Văng Tấn T, sinh ngày 19/3/2021. Hiện tại, con chung đang được bà N nuôi dưỡng.

Trong thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bà N, ông Đ xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau nên cãi vã, vấn đề kinh tế gia đình. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 03 tháng nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Đ; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Văng Thị Thúy D, sinh ngày 01/7/2017 và Văng Tấn T, sinh ngày 19/3/2021 yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi dạy 02 con chung mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng đến khi con chung T niên và có khả năng lao động; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 23, ngày 03/02/2017 do Ủy ban nhân dân xã Kiến T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp đối với bà Phạm Thị N và ông Văng Tấn Đ (bản chính); Giấy khai sinh số 246, ngày 11/7/2017 do Ủy ban nhân dân xã Kiến T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp đối với Văng Thị Thúy D (bản sao); Giấy khai sinh số 667, ngày 11/6/2021 do Ủy ban nhân dân xã Kiến T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp đối với Văng Tấn T (bản sao); Bản tự khai của bà Phạm Thị N (bản chính).

- Bị đơn ông Văng Tấn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm. Tuy nhiên đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi dạy con, bà N thay đổi yêu cầu đối với yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi dạy 02 con chung mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng đến khi con chung T niên và có khả năng lao động. Nay bà N yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi dạy con chung theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà N và ông Đ kết hôn, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Đ hợp pháp, được pháp

luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung khoảng 03 tháng nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Đ. Bà N, ông Đ không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn hạnh phúc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông Đ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà N, giao 02 con chung cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa, bà N thay đổi yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, cháu D, cháu T hiện đang sống với bà N đã ổn định về thể chất và tinh thần. Mặt khác, cháu T dưới 36 tháng tuổi theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho mẹ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Nghĩ, nên tiếp tục giao các cháu D, T cho bà N chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Đ không chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật với mức cấp dưỡng 750.000 đồng/tháng/cháu.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông Đ; bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Văng Thị Thúy D, sinh ngày 01/7/2017 và Văng Tấn T, sinh ngày 19/3/2021; ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật với mức cấp dưỡng 750.000 đồng/tháng/cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Văng Tấn Đ. Đồng thời, ông Đ cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Văng Tấn Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà N và ông Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Đ là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà N xác định, trong thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau nên cãi vã, vấn đề kinh tế gia đình. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 03 tháng nay

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà N và ông Đ thường xuyên cãi vã và không còn sống chung khoảng 03 tháng nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng Đ hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông Đ nhưng ông Đ không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà N. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà N, ông Đ là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không Đ được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà N xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Văng Thị Thúy D, sinh ngày 01/7/2017 và Văng Tân T, sinh ngày 19/3/2021.

Xét thấy, cháu D, cháu T hiện đang sống với bà N đã ổn định về thể chất và tinh thần. Mặc khác, cháu T dưới 36 tháng tuổi theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho mẹ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Nghĩ, nên tiếp tục giao các cháu D, T cho bà N chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tại phiên tòa, bà N thay đổi yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật. Xét thấy, ông Đ không chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật với mức cấp dưỡng 750.000 đồng/tháng/cháu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Văng Tấn Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 03/02/2017 do Ủy ban nhân dân xã Kiên T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho ông Văng Tấn Đ và bà Phạm Thị N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Phạm Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Văng Thị Thúy D, sinh ngày 01/7/2017 và Văng Tấn T, sinh ngày 19/3/2021. Ông Văng Tấn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dạy con chung theo quy định của pháp luật với mức cấp dưỡng 750.000 đồng/tháng/cháu. Thời gian cấp dưỡng được bắt đầu tính từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi con chung T niên và có khả năng lao động.

Bà Phạm Thị N cùng các T viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Văng Tấn Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010414 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 22 tháng 3 năm 2022; bà Phạm Thị N đã nộp đủ án phí.

Ông Văng Tấn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi dạy con chung 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Văng Tấn Đ được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã Kiên T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu văn phòng (1).

Nguyễn Thị D Thúy

Nguyễn Thị D Thúy